

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Tấn Thức

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan Ph, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Lan Ph trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn L kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng (số 70/2011 ngày 01 tháng 6 năm 2011). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, cải vã, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng tin tưởng, không có tiếng nói chung và đỉnh điểm nhất vào năm 2015 bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết và trong quá trình Tòa án giải quyết ông L có những hành động ăn năn hối cải và vì con nên về sống lại với nhau. Tuy nhiên, thời gian chung sống ông L vẫn không

khắc phục sửa đổi, đến năm 2017 bà lại nộp đơn ly hôn một lần nữa và rồi cũng hòa giải rút đơn nhưng ông L tính nào tật ấy vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không còn thương yêu nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L.

- Về quan hệ con chung: Bà xác nhận 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 07/4/2012. Ly hôn, bà nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

**\* *Tại bản khai, và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Lan Ph về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình ông được vài tháng thì về sống chung với bố mẹ bà Ph tại số nhà 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn như bà Ph trình bày, nhưng theo ông thì mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng có thể khắc phục được, ông còn yêu thương vợ con nên mong muốn được đoàn tụ, ông L đưa ra giải pháp vợ chồng làm nhà ở riêng hoặc thuê nhà sống riêng. Ông hứa sẽ khắc phục những lỗi lầm và có trách nhiệm hơn với vợ con để gia đình được hạnh phúc. Nay bà Ph yêu cầu xin ly hôn, ông không đồng ý và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành.

- Về quan hệ con chung: Ông xác nhận có một con chung như bà Ph trình bày. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về quan hệ nợ chung: Ông xác nhận không có.

**\* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:***

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lan Ph, xử cho bà Ph được ly hôn với ông Phạm Văn L.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 07/4/2012 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng.

+ Về tài sản chung: Bà Ph và ông L xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Ph và ông L xác nhận không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Văn L hiện cư trú tại số nhà 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Lan Ph và ông Phạm Văn L kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình ông L được vài tháng thì về sống chung với bố mẹ bà Ph tại địa chỉ số 101 đường Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, thậm chí có xảy ra xô xát, bà Ph xác nhận bà không còn thương yêu ông L, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L. Còn ông L khai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng, có thể khắc phục được, bà Ph yêu cầu xin ly hôn ông không đồng ý và mong muốn được đoàn tụ.

Xét thấy: Từ năm 2015 đến năm 2017 bà Ph đã 02 lần khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L, trong quá trình Tòa án giải quyết bà rút đơn nhưng tình hình vợ chồng vẫn không cải thiện. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng bà Ph ông L có mâu thuẫn, bà Ph có báo cho địa phương biết. Đồng thời, tại phiên tòa ông L khai hiện nay ông đã ra ngoài sống riêng, vợ chồng không còn sống chung với nhau và ông đưa ra giải pháp để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng là làm nhà hoặc thuê nhà ở riêng nhưng bà Ph không đồng ý, bà cương quyết ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lan Ph và ông Phạm Văn L đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, nên xử cho bà Ph được ly hôn ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà Ph và ông L xác nhận có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 07/4/2012. Ly hôn, bà Ph yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đồng. Còn ông L không đồng ý ly hôn, nhưng trường hợp ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà

Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Cháu Phạm Minh H còn nhỏ nên bà Ph trực tiếp chăm sóc sẽ tốt hơn. Đồng thời, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ và ông L cũng đồng ý giao con cho bà Ph trực tiếp chăm nuôi dưỡng (nếu ly hôn). Do vậy, giao con chung Phạm Minh H, sinh ngày 07/4/2012 cho bà Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ tháng 10 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Phương và ông Lâm đều xác nhận không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về tài nợ chung*: Bà Ph và ông L đều xác nhận không có, nên HĐXX không xem xét.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lan Ph phải chịu là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng ông Phạm Văn L phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Lan Ph được ly hôn ông Phạm Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 07/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Lan Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lan Phương phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phương đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001100 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Phương đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng ông Phạm Văn L phải chịu.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

7. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Hằng**